

Số: 1203/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 17 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1258/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Mỹ L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: A7/1 ấp 1, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: C6/32 ấp 3, xã Lê Minh X, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Mỹ L và ông Lê Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mỹ L và ông Lê Văn N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc T, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/9/2019 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Dương Thị Mỹ L và ông Lê Văn N cùng thỏa thuận giao con chung là trẻ Lê Dương Phúc H (nam), sinh ngày 03/8/2019 cho bà Dương Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Lê Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Bà Dương Thị Mỹ L và ông Lê Văn N thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có

thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 10/01/2021 cho đến khi trẻ Lê Dương Phúc H (nam), sinh ngày 03/8/2019 trưởng thành.

Trường hợp ông Lê Văn N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Dương Thị Mỹ L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Dương Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Lê Văn N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Mỹ L và ông Lê Văn N đều xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Mỹ L tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080500 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dương Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- UBND thị trấn An Lạc T, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).



THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền